

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 03-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Đức T, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1980 tại Nghệ An. Nơi cư trú: Tổ 2 Khu 3 phường V, thị xã U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Bùi Thị H (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân:

+ Tại Bản án số 57/HSST ngày 23/9/1998 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; cảnh cáo về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân” theo khoản 1 Điều 154, khoản 1 Điều 198 BLHS (đã được xóa án tích);

+ Tại Bản án số 341/HSST ngày 31/5/1999, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo khoản 2 Điều 155 BLHS (đã được xóa án tích);

+ Tại Bản án số 15/2005/HSST ngày 03/3/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS (đã được xóa án tích);

+ Tại Bản án số 10/2007/HSST ngày 22/3/2007 của Tòa án nhân dân thị

xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS (đã được xóa án tích);

Bị cáo bị bắt giữ ngày 30 tháng 01 năm 2019 sau đó chuyển tạm giam ngày 01 tháng 02 năm 2019, có mặt.

- *Bị hại*: Chị Gao M, sinh năm 1984; quốc tịch: Trung Quốc; số visa: Q 0147806, cấp ngày: 19/6/2018; số hộ chiếu: E61170520; nơi cư trú: C, T, L, Trung Quốc; hiện là Giám đốc kỹ thuật Công ty TNHH V (địa chỉ trụ sở: Khu số 9 đường Đ, xã Dương Quan, huyện T, thành phố Hải Phòng), vắng mặt.

- *Người phiên dịch cho bị hại*: Bà Nguyễn Thị H – Cán bộ Phòng Q – Công an thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/01/2019, Lê Đức T – là nhân viên bảo vệ của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Việt Thắng làm nhiệm vụ bảo vệ, tuần tra tại tầng 3, tòa nhà B1 của Công ty TNHH V, địa chỉ: Số 9, đường Đ, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng. Trong lúc tuần tra, T thấy các cửa phòng làm việc không khóa nên định vào phòng tìm đồ ăn. T đi vào phòng Giám đốc kỹ thuật của bộ phận kỹ thuật trước sản xuất. Khi vào trong phòng, T đi đến bàn làm việc của chị Gao M, sinh năm 1984, quốc tịch: Trung Quốc mở ngăn kéo phía trên cùng, phía bên phải của bàn làm việc thì phát hiện một chiếc ví bên trong có tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T liền lấy chiếc ví cất vào túi áo khoác đang mặc rồi tiếp tục làm nhiệm vụ tuần tra. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T đi ra cổng A2 của Công ty, lấy toàn bộ số tiền trong ví vừa trộm cắp túi quần rồi rút chiếc ví tại khu vực bờ mương nước đối diện cổng số 2 Công ty V. Đến khoảng 07 giờ ngày 29/01/2019, T về nhà bỏ số tiền ra đếm được 10.200.000 đồng, sau đó T cất toàn bộ số tiền dưới gối rồi đi ngủ. Khoảng 17 giờ ngày 29/01/2019 T lấy 200.000 đồng trong số tiền đã trộm cắp của chị Gao M mang đi chi tiêu ăn uống cá nhân. Ngày 29/01/2019 Công ty V kiểm tra hệ thống Camera an ninh phát hiện vào hồi 20 giờ 22 phút ngày 28/01/2019 có người đàn ông nghi là Lê Đức T vào phòng Giám đốc kỹ thuật nên đã mời T đến làm việc. Khi được Công ty V cho xem lại hình ảnh do Camera ghi lại vụ việc, Lê Đức T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình. Cùng ngày, chị Gao M đã làm đơn trình báo cơ quan công an về việc bị mất trộm chiếc ví tại phòng làm việc, bên trong ví có số tiền khoảng 13.000.000 đồng.

Ngày 30/02/2019 Lê Đức T đã tự nguyện mang số tiền 10.000.000 đồng đã trộm cắp của chị Gao M giao nộp cho Cơ quan Công an (Bút lục 41), cùng ngày, Cơ quan Công an đã rà soát thu hồi được chiếc ví của người bị hại (Bút

lục 47).

Ngày 20/02/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã thực hiện trích xuất hình ảnh từ dữ liệu Camera do Công ty V giao nộp xác định vào thời điểm 20 giờ 22 phút 10 giây có đối tượng tay phải cầm đèn pin soi, tay trái cầm vật không xác định đi vào phòng Giám đốc kỹ thuật. Cơ quan điều tra đã cho Lê Đức T quan sát bản ảnh và xác định người trong ảnh chính là T khi trộm cắp tài sản (Bút lục 38-40).

Tại Kết luận giám định tài sản ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Chiếc ví da màu nâu vàng T trộm cắp của chị Gao M có trị giá 200.000 đồng (Bút lục 32).

Tại Cơ quan điều tra, bị can Lê Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (Bút lục 105-124). Lời khai nhận tội của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại (Bút lục 144-154); phù hợp với lời khai người làm chứng (Bút lục 159-162); vật chứng thu giữ và các tài liệu điều tra khác. Tuy nhiên, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định số tiền có trong ví bị T chiếm đoạt là 13.000.000 đồng như lời khai của người bị hại.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền và chiếc ví đã thu giữ cho người bị hại (Bút lục 35-36).

Về dân sự: Người bị hại yêu cầu Lê Đức T có trách nhiệm bồi thường số tiền đã trộm cắp chưa trả lại (khoảng 2.800.000 đồng).

Tại Bản Cáo trạng số 41/CT-VKSHP-P3 ngày 03/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Lê Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã nêu. Toàn bộ số tiền bị cáo lấy từ trong ví của chị Gao M chỉ có 10.200.000 đồng không phải là số tiền 13.000.000 đồng như chị Gao M đã khai. Bị cáo cũng đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của gia đình bị cáo thuộc có mẹ già và con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trình bày: Căn cứ vào toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tài sản bị cáo trộm cắp dưới 50 triệu đồng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả và trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn

hồi cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét nhân thân của bị cáo đã từng có 4 tiền án mặc dù đều đã được xóa án tích nhưng bị cáo không cải tạo mà tiếp tục cố ý một lần nữa thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị HĐXX xử lý nghiêm Mh bằng hình thức cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian từ 18 đến 24 tháng tù. Về hình phạt bổ sung gia đình bị cáo được xác nhận là hộ nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung. Về xử lý vật chứng đã được trả lại cho bị hại nên không đặt ra vấn đề xem xét. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo trả lại số tiền 200.000 đồng đã lấy từ số tiền trộm cắp để trả lại cho bị hại. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không bổ sung gì thêm, bị cáo nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã T khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, biên bản dẫn giải và xác định vị trí và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/01/2019 tại tầng 3 tòa nhà B1 của Công ty TNHH V, bị cáo T đã lén lút vào phòng Giám đốc kỹ thuật và chiếm đoạt tài sản là một chiếc ví bên trong có tiền của chị Gao M. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Xét thấy bị cáo khai số tiền trong ví là 10.200.000 đồng. Tuy nhiên người bị hại là chị Gao M khai số tiền trong ví khoảng 13 triệu đồng. Theo tài liệu trong hồ sơ, số tiền thu giữ là 10 triệu đồng. Bị cáo có 4 tiền án đã được xóa án tích nên phạm tội lần này không bị tính là “tái phạm nguy hiểm”. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173

BLHS theo như Bản Cáo trạng số 41/CT-VKSHP-P3 ngày 03/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Ngày 30/01/2019 bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 10 triệu đồng cho Cơ quan Công an và trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng.

- Về đánh giá tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo và mức hình phạt:

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bản thân bị cáo đã từng nhiều lần phạm tội, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội mới, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy điều kiện hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự:

[7] Bị hại Gao M khai số tiền trong ví do bị cáo trộm cắp khoảng 13 triệu đồng. Trong toàn bộ hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện trong ví chị Gao M có số tiền 13 triệu đồng, chị Gao M cũng không đưa ra được tài liệu chứng minh. Tại quá trình điều tra, truy tố cũng chỉ thu giữ được số tiền 10.000.000 đồng. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận lời khai này của bị hại Gao M. Tuy nhiên, bị cáo đã thừa nhận sử dụng số tiền 200.000 đồng trong tổng số tiền lấy từ ví của bị hại. Bị cáo mới chỉ nộp lại số tiền 10.000.000 đồng, do đó bị cáo tiếp tục phải có trách nhiệm trả lại số tiền 200.000 đồng cho bị hại.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đã được Cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

[11] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Đức T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/01/2019.

2. Căn cứ 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lê Đức T trả lại số tiền 200.000 đồng cho bị hại Gao M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành xong số tiền nói trên, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Đức T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại Gao M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- PV27 Công an TPHP;
- Vụ GDKT 1 TANDTC;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Cục THADS TPHP;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan THA hình sự Công an TPHP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Ngọc